

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **254/2021/HS-ST**

Ngày: 21/6/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Xây

2. Ông Trần Xuân Viện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 220/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Toàn Văn S - tên gọi khác: Không; Sinh năm 1996 tại TH; Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 10/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, chính quyền): Không; Con ông Toàn Văn D, sinh năm 1969 và con bà Đào Thị T, sinh năm 1974; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không;

Tiền sự: 01. Tại Quyết định số 113/QĐ –XPVPHC ngày 09/6/2020 Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S xử phạt hành chính 2.500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Đã nộp phạt ngày 09/6/2020.

Nhân thân: 01. Tại Quyết định số 0016782/QĐ –XPVPHC ngày 18/6/2019 Công an thành phố S, tỉnh TH xử phạt hành chính 2.500.000đ về hành vi xâm hại S khỏe người khác. Đã nộp phạt ngày 18/6/2019.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH, bị bắt từ ngày 16/01/2021 cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Vũ Ngọc D - tên gọi khác: Không; sinh năm 1989 tại TH; Nơi cư trú: Xóm L 2, xã B, thành phố S, tỉnh TH; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, đoàn thể, chính quyền): Không; Con ông Vũ Văn M, sinh năm 1960 và con bà Đồng Thị S1, sinh năm 1964; Bị cáo có vợ Triệu Thị Bích T1, sinh năm 1993(đã ly hôn), có 01 con sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 03/2012/HSST ngày 11/01/2012 Tòa án nhân dân thành phố TH xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Nộp án phí và tiền truy thu ngày 10/9/2012.

Năm 2016, Vũ Ngọc D có hành vi Cố ý gây thương tích quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS, sau đó bị hại rút yêu cầu khởi tố nên Tòa án nhân dân thành phố S đã ra Quyết định đình chỉ số 01/2016/HSST –QĐ ngày 05/12/2016.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh TH, bị bắt từ ngày 16/01/2021 cho đến nay. *(Có mặt tại phiên tòa)*.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Triệu Thị Bích T1, sinh năm 1993 - trú tại xóm L 2, xã B, thành phố S, tỉnh TH *(Có mặt)*

2. Chị Dương Thị Huyền T2, sinh năm 1994 - trú tại tổ X, phường T, thành phố TH *(Vắng mặt)*

- *Người chứng kiến:*

1. Ông Nguyễn Huy C, sinh năm 1966 - trú tại tổ Y, phường T, thành phố TH *(Vắng mặt)*

2. Anh Nguyễn Trọng Q, sinh năm 1984 - trú tại tổ Y, phường T, thành phố TH *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 16/01/2021, tổ công tác của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh TH, phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh TH tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ Cát Khánh thuộc tổ Y, phường T, thành phố TH đã phát hiện tại một phòng không có số trên tầng 5 của nhà nghỉ có 02 nam thanh niên khai tên là Toàn Văn S và Vũ Ngọc D cùng 02 nữ giới là Dương Thị Huyền T2 (sinh năm 1994 - trú tại tổ X, phường T, thành phố TH) và Triệu Thị Bích T1 (sinh năm 1993 - trú tại xóm L 2, xã B, thành phố S, tỉnh TH). Quá trình kiểm tra, S tự giác lấy từ trong gầm giường ra giao nộp cho tổ công tác 03 (ba) gói nilon màu trắng, trong đó có 02 (hai) gói chứa chất tinh thể màu trắng và 01(một) gói chứa 01 phần viên nén màu xanh, S khai là ma túy tổng hợp mua về để S, D, T1 và T2 cùng nhau sử dụng. Kiểm tra D, T1 và T2 không phát hiện và thu giữ gì. Tổ công tác tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng theo quy định. Ngoài ra

còn thu giữ 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA và số tiền 24.200.000đ của Toàn Văn S.

Cùng ngày, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh TH tiến hành mở niêm phong, cân xác định:

+ Chất tinh thể màu trắng có khối lượng 1,3(một phẩy ba) gam. Lấy ra 0,4 (không phẩy bốn) gam niêm phong ký hiệu G làm mẫu gửi giám định. Còn lại 0,9 (không phẩy chín) gam niêm phong ký hiệu L để lưu kho theo quy định.

+ Viên nén màu xanh có khối lượng 0,24 (không phẩy hai mươi bốn) gam niêm phong toàn bộ viên nén ký hiệu G1 gửi giám định.

* Tại bản Kết luận giám định số 239/KL -KTHS ngày 16/01/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh TH kết luận:

+ Chất tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu G gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, có khối lượng gửi giám định là 0,4gam; Tổng khối lượng thu giữ ban đầu là 1,3gam.

+ Viên nén màu xanh trong phong bì ký hiệu G1 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, có khối lượng thu giữ ban đầu là 0,24gam.

Tại Cơ quan điều tra, Toàn Văn S và Vũ Ngọc D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định, lời khai của người làm chứng, người chứng kiến.

Vật chứng của vụ án gồm:

+ 03 (ba) bì niêm phong ký hiệu G, G1, L

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu vàng; 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA và 24.200.000đ (Hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng) thu giữ của Toàn Văn S.

Bản Cáo trạng số 232/CT -VKSTPTN ngày 08 tháng 5 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố các bị cáo Toàn Văn S, Vũ Ngọc D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Toàn Văn S và Vũ Ngọc D khai nhận: Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 15/01/2021, Toàn Văn S cùng Vũ Ngọc D và T1 (vợ của D – đã ly hôn) cùng nhau đi ăn uống tại khu vực thành phố S, tỉnh TH. Trong quá trình ăn uống, S bàn với D mua ma túy tổng hợp để cùng nhau sử dụng, do D không biết chỗ bán ma túy nên S và D thống nhất S là người mua ma túy, D là người thuê phòng nghỉ để sử dụng ma túy, khi sử dụng xong ma túy tổng hợp chi phí hết bao nhiêu thì S và D mỗi người sẽ chịu một nửa. Sau khi thống nhất S, D, Thương thuê xe TAXI đến nhà nghỉ Cát Khánh thuộc tổ Y, phường T, thành phố TH. Trên đường đi, S liên lạc bằng hình thức nhắn tin với một người tên L đặt mua 02 gói ma túy là Ketamine và 03 viên ma túy tổng hợp với giá 4.000.000đ và bảo L mang đến nhà nghỉ Cát Khánh giao cho S, tiền thì S hẹn trả cho Ly sau, còn T1 gọi điện cho T2 (là bạn của

T1) rủ đi chơi. Tiếp đó S, D, T1 đến đón T2. Khi đón được T2 thì cả 04 người đi đến nhà nghỉ Cát Khánh, D thuê 01 phòng không số ở tầng 5 rồi cả 04 đi lên phòng. Khoảng 23 giờ 00 phút cùng ngày, L liên lạc với S, bảo S đi xuống đường cạnh nhà nghỉ Cát Khánh để nhận ma túy. S một mình xuống chỗ hẹn gặp một nam thanh niên không quen biết giao cho S 02 gói Ketamine và 03 viên ma túy tổng hợp màu xanh. S cầm số ma túy trên đi lên phòng rồi đưa cho D 01 viên ma túy tổng hợp, D sử dụng hết, S đưa cho T2 01 viên ma túy tổng hợp, T2 sử dụng 1/2 viên còn lại đưa cho S, S đưa cho T1 sử dụng hết, S cũng lấy 01 viên ma túy tổng hợp sử dụng 01 phần, phần còn lại cất vào túi nilon màu trắng. Đến 00 giờ 00 phút ngày 16/01/2021 khi S, D, T1 và T2 đang ở trong phòng thì bị tổ công tác của Công an tỉnh TH phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Chị Triệu Thị Bích T1 trình bày: Khoảng 20 giờ ngày 15/01/2021 tôi cùng anh D (chồng tôi – đã ly hôn) và anh S cùng nhau ăn uống tại thành phố S. Sau đó cả ba chúng tôi đi xe TAXI lên thành phố TH. Trên đường đi tôi có gọi điện cho T2 là bạn của tôi rủ đi chơi và T2 đồng ý. Chúng tôi đến nhà T2 đón T2 sau đó đi đến nhà nghỉ Cát Khánh thuộc phường T thuê phòng. Sau đó tôi thấy anh S đi ra ngoài, khoảng 10 phút sau anh S quay lại đưa cho anh D 01 viên thuốc lắc, đưa cho T2 01 viên để T2 sử dụng một nửa, một nửa còn lại đưa tôi sử dụng. Anh S cũng sử dụng một nửa. Còn lại một nửa viên thuốc và 02 túi ma túy là Ketamie chưa kịp sử dụng thì bị Công an phát hiện bắt quả tang.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Toàn Văn S, Vũ Ngọc D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt Toàn Văn S từ 24 đến 30 tháng tù.

+ Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt Vũ Ngọc D từ 24 đến 30 tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về vật chứng vụ án:

+ Tịch thu tiêu hủy 03(ba) bì niêm phong ký hiệu G, G1, L

+ Tịch thu 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone vỏ màu vàng, vỡ màn hình, đã qua sử dụng của Toàn Văn S nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Tạm giữ số tiền 24.200.000đ của bị cáo S để đảm bảo thi hành án.

+ Trả bị cáo Toàn Văn S 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh, đã qua sử dụng.

* Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử các bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản cân xác định khối lượng, biên bản mở niêm phong vật chứng, lời khai của những người tham gia tố tụng khác, vật chứng thu giữ, kết luận giám định. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Hồi 00 giờ 00 phút ngày 16/01/2021, tại nhà nghỉ Cát Khánh, thuộc tổ Y, phường T, thành phố TH, Toàn Văn S và Vũ Ngọc D đang có hành vi tàng trữ 1,3 gam Ketamine và 0,24 gam MDMA với mục đích cùng nhau sử dụng cho bản thân thì bị tổ công tác của phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh TH, phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội và phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh TH phát hiện bắt quả tang thu giữ toàn bộ vật chứng.

Hành vi trên của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 249 BLHS

Nội dung điều luật:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

a, b, c....

i, Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm b đến điểm h khoản này”

Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ của hành vi phạm tội là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi ma túy hủy hoại S khỏe con người, là nguyên nhân phát sinh tội phạm và các tệ nạn xã hội khác, xâm phạm đến chính

sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Hành vi phạm tội đó cần phải được xét xử nghiêm minh để đảm bảo tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

Vụ án có tính chất đồng phạm, bị cáo S là người khởi xướng, trực tiếp liên hệ mua ma túy về sử dụng, đến khi bị phát hiện bị cáo lại là người ném ma túy vào gầm giường nhằm tránh sự phát hiện của cơ quan chức năng do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm cao hơn so với bị cáo D. Bị cáo D là người thuê phòng nghỉ để sử dụng, và đồng ý với S khi sử dụng xong ma túy tổng chi phí hết bao nhiêu thì S và D mỗi người sẽ chịu một nửa, vì vậy bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội do bị cáo gây ra.

[4] Xét về nhân thân các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử thấy:

* Về nhân thân của các bị cáo:

Bị cáo Toàn Văn S chưa có tiền án, nhưng có tiền sự đó là tại Quyết định số 113/QĐ –XPVPHC ngày 09/6/2020 Ủy ban nhân dân phường B, thành phố S xử phạt hành chính 2.500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Đã nộp phạt ngày 09/6/2020. Ngoài ra ngày 18/6/2019 Công an thành phố S, tỉnh TH xử phạt 2.500.000đ về hành vi xâm hại sức khỏe người khác. Đã nộp phạt ngày 18/6/2019.

Đối với bị cáo Vũ Ngọc D, năm 2012 đã bị Tòa án nhân dân thành phố TH xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã nộp án phí và truy thu số tiền 4.900.000đ vào ngày 10/9/2012. Ngoài ra Vũ Ngọc D có hành vi Cố ý gây thương tích quy định tại khoản 1 Điều 104 BLHS, sau đó bị hại rút yêu cầu khởi tố nên Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh TH đã ra Quyết định đình chỉ số 01/2016/HSST –QĐ ngày 05/12/2016.

* Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS. Hội đồng xét xử cân nhắc hình phạt cho các bị cáo, song cần cách ly các bị cáo một thời gian để giáo dục cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, đồng thời góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Toàn Văn S, phạt bị cáo một khoản tiền nộp Ngân sách Nhà nước. Đối với bị cáo Vũ Ngọc D là đối tượng nghiện ma túy, không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Vật chứng của vụ án:

+ Tịch thu tiêu hủy 03 (ba) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu G, G1, L.

+ 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone vỏ màu vàng của Toàn Văn S. Quá trình điều tra xác định bị cáo sử dụng để đi mua ma túy, nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

+ 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh và số tiền 24.200.000đ của Toàn Văn S xác định bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo, song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Về nguồn gốc số Heroin bị thu giữ, Toàn Văn S khai mua của một người phụ nữ tên L nhưng S không biết địa chỉ ở đâu. Quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch của người này, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố TH không có cơ sở điều tra làm rõ để xử lý.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Toàn Văn S, Vũ Ngọc D, Triệu Thị Bích T1 và Dương Thị Huyền T2. Ngày 04/02/2021 Công an tỉnh TH đã ra Quyết định xử phạt hành chính.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Các bị cáo Toàn Văn S, Vũ Ngọc D phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

1. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt:

1.1. Áp dụng điểm i khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS: Xử phạt: Bị cáo Toàn Văn S 30 (Ba mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2021. Phạt bổ sung bị cáo 05 (Năm) triệu đồng nộp Ngân sách Nhà nước.

1.2. Áp dụng điểm i khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 BLHS: Xử phạt: Bị cáo Vũ Ngọc D 24(Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/01/2021.

Căn cứ vào Điều 329 BLTTHS: Quyết định tạm giam các bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu G, mặt trước có ghi hoàn trả 0,347 gam mẫu G còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu G. Vụ: Toàn Văn S, sinh năm 1996. Phạm tội về ma túy. Mặt sau phong bì có 02 dấu tròn đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh TH, chữ ký của đ/c Trần Đức T – Cán bộ phòng KTHS Công an tỉnh TH và chữ ký của đ/c Ma Đình G – Điều tra viên Công an tỉnh TH; 01 (một) bì niêm phong đúng quy định ký hiệu G1, mặt trước có ghi hoàn trả 0,215 gam mẫu G1 còn lại sau giám định và vỏ bao gói mẫu G1. Vụ: Toàn Văn S, sinh năm 1996. Phạm tội về ma túy. Mặt sau phong bì có 02 dấu tròn đỏ của phòng KTHS Công an tỉnh TH, chữ ký của đ/c Trần Đức T – Cán bộ phòng KTHS Công an tỉnh TH và chữ ký của đ/c Ma Đình G – Điều tra viên Công an tỉnh TH; 01 (một) bì niêm phong ký hiệu L. Mặt trước có ghi 0,9 gam chất tinh thể màu

trắng thu giữ của Toàn Văn S ngày 16/1/2021. Lưu kho theo quy định. Mặt sau có chữ ký của các thành phần tham gia cùng 03 dấu tròn đỏ của cơ quan CSĐT Công an tỉnh TH;

+ Tịch thu 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone vỏ màu vàng, số Imei 355386072995453, đã qua sử dụng, đã vỡ màn hình của Toàn Văn S nộp Ngân sách Nhà nước.

+ Tạm giữ số tiền 24.200.000đ (*Hai mươi bốn triệu hai trăm nghìn đồng*) của Toàn Văn S để đảm bảo thi hành án (*Tại ủy nhiệm chi số 28 ngày 25/5/2021*).

+ Trả cho bị cáo Toàn Văn S 01(một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA vỏ màu xanh, số Imei: 35899809066659, đã qua sử dụng.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 434 ngày 02/6/2021 giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADS thành phố TH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

